

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2020

“V/v Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương

Ông Nguyễn Hoàng Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:
Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2019/ TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lâm Thanh D, sinh năm 1969

Địa chỉ: 348 B, Ph 10, Q 8, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lâm Thanh D trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1990 anh và Nguyễn Ngọc T xác lập quan hệ hôn nhân nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh D và chị T chung sống với nhau có hai con chung tên Lâm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1993 và Lâm Thị Tuyết Đ, sinh năm 1997 đã trưởng thành. Thời gian đầu anh, chị sống rất hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2009 thường xảy ra cự cãi về lối sống nên anh, chị đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Anh D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về hôn nhân*: Anh D yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Ngọc T.

- *Về con chung*: Có hai con tên Lâm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1993 và Lâm Thị Tuyết Đ, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của Lâm Thanh D. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị và anh D thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ đầu năm 2010. Nay anh D yêu cầu xin ly hôn chị đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có hai con tên Lâm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1993 và Lâm Thị Tuyết Đ, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Anh D và chị T xác lập quan hệ hôn nhân năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố anh Lâm Thanh D và chị Nguyễn Ngọc T không phải là vợ chồng; Về con chung: Lâm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1993 và Lâm Thị Tuyết Đ, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét .

Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Lâm Thanh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Phản kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Lâm Thanh D và chị Nguyễn Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D và chị T theo quy định.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm giải quyền quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Xét thấy anh D và chị T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, vi phạm điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù trong quá trình giải quyết anh D và chị T xác định mâu thuẫn giữa anh, chị là trầm trọng không hàn gắn được, chị T thống nhất ly hôn theo yêu cầu của anh D, Tòa án cũng không thể chấp nhận cho anh D và chị T ly hôn do giữa anh, chị không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 14 luật hôn nhân và gia đình. Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh D và chị T là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Anh D và chị T có 02 con chung tên Lâm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1993 và Lâm Thị Tuyết Đ, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Lâm Thanh D phải chịu án phí theo quy định.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 273 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ –QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thi hành Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận anh Lâm Thanh D và chị Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Anh D và chị T có 02 con tên Lâm Thị Tuyết Nh, sinh năm 1993 và Lâm Thị Tuyết Đ, sinh năm 1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Buộc anh Lâm Thanh D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh D đã nộp theo biên lai số 0005588, ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

6. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Mai